

## XÁC ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KHÓ KHĂN CỦA TRẺ EM KHI THAM GIA TẬP LUYỆN VOVINAM TẠI TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ VĂN HÓA THỂ THAO PHƯỜNG BÌNH TRUNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS Nguyễn Thị Thanh Trà, ThS Đinh Thị Xuê, Nguyễn Thị Yến Nhiên

*Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh*

Email: tranguyen.vietnam1@gmail.com

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định và phân tích thực trạng những khó khăn mà trẻ em gặp phải trong quá trình tham gia tập luyện môn Vovinam tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng, gồm 25 tiêu chí quan sát thiết kế theo thang đo Likert 5 mức, thu thập dữ liệu từ 120 học viên Vovinam trong độ tuổi 6-15, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2024. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy Cronbach's Alpha = 0.982 và KMO = 0.750 (Sig. = 0.000), khẳng định thang đo có độ tin cậy và giá trị sử dụng cao. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) xác định bốn nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến việc tham gia tập luyện của trẻ gồm: (1) Khó khăn cá nhân; (2) Khó khăn trong tập luyện; (3) Khó khăn kinh tế; và (4) Khó khăn xã hội. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học thực tiễn cho công tác tổ chức, huấn luyện và quản lý hoạt động võ thuật thiếu nhi tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thể thao cơ sở.

**Từ khóa:** *tiêu chí, Vovinam, trẻ em, khó khăn tập luyện*

**Abstract:** This study was conducted to identify and analyze the current difficulties faced by children participating in Vovinam training at the Thu Duc City Children's House, Ho Chi Minh City. A questionnaire survey was employed, consisting of 25 observed variables designed on a five-point Likert scale, with data collected from 120 Vovinam students aged 6–15 during the period from March to May 2024. Reliability testing showed a Cronbach's Alpha of 0.982 and KMO = 0.750 (Sig. = 0.000), confirming high reliability and construct validity of the measurement scale. Exploratory Factor Analysis (EFA) revealed four major factors influencing children's participation in training, including: (1) Personal difficulties; (2) Training-related difficulties; (3) Economic difficulties; and (4) Social difficulties. The findings provide a scientific and practical basis for improving the organization, coaching, and management of martial arts activities for children in grassroots sports and physical education settings.

**Keywords:** *criteria, Vovinam, children, training difficulties.*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, cùng với xu thế phát triển mạnh mẽ của phong trào thể dục thể thao toàn dân, Vovinam - Việt Võ Đạo đã trở thành một trong những môn võ dân tộc được quan tâm và phát triển rộng rãi trong hệ thống giáo dục, đặc biệt ở lứa tuổi thiếu nhi. Vovinam không chỉ giúp

phát triển thể lực, rèn luyện kỹ năng tự vệ, mà còn góp phần bồi dưỡng đạo đức, kỷ luật, tinh thần thượng võ và lòng tự hào dân tộc cho học sinh (Nguyễn Văn Chiếu, 2016). Thông qua quá trình tập luyện thường xuyên, trẻ em được hình thành thói quen vận động tích cực, tinh thần đoàn kết, tự tin và khả năng tự kiểm soát cảm xúc – những phẩm chất quan trọng cho sự phát triển toàn diện.

Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy và huấn luyện Vovinam tại các cơ sở giáo dục ngoài nhà trường, như Nhà Thiếu nhi, vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Mặc dù số lượng học viên đăng ký ban đầu khá đông, nhưng tỉ lệ duy trì tập luyện lâu dài chưa cao; nhiều em bỏ dở giữa chừng hoặc giảm hứng thú sau một thời gian. Điều này phản ánh thực trạng tồn tại những khó khăn khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến quá trình tập luyện của trẻ em.

Về thể chất, không phải trẻ em nào cũng có đủ thể lực, sự linh hoạt hay khả năng phối hợp vận động để đáp ứng yêu cầu của các bài tập kỹ thuật, đặc biệt là ở giai đoạn đầu mới làm quen với môn học. Một số em dễ mệt mỏi, chưa đủ sức bền hoặc khó thực hiện chính xác động tác kỹ thuật, dẫn đến tâm lý chán nản. Về tâm lý xã hội, nhiều em thiếu tự tin, ngại giao tiếp hoặc lo lắng khi tham gia môi trường tập luyện tập thể; điều này ảnh hưởng đến khả năng hòa nhập và tinh thần học tập. Ngoài ra, các yếu tố môi trường và tổ chức như cơ sở vật chất chưa đầy đủ, trang thiết bị tập luyện hạn chế, phương pháp giảng dạy còn nặng về kỹ thuật, chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, hoặc lịch tập không ổn định, đều là những nguyên nhân gây trở ngại cho quá trình duy trì và phát triển phong trào.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu nhằm xác định và phân tích thực trạng các nhóm khó khăn mà trẻ em gặp phải khi tham gia tập luyện Vovinam tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và huấn luyện, mà còn là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp sư phạm, phương pháp huấn luyện và mô hình tổ chức phù hợp hơn cho lứa tuổi thiếu nhi.

Đồng thời, nghiên cứu còn góp phần bổ sung dữ liệu thực tiễn cho lĩnh vực giáo dục thể chất và phát triển thể thao học đường, giúp các nhà quản lý, huấn luyện viên và cơ sở đào tạo xây dựng chương trình giảng dạy, huấn luyện Vovinam hiệu quả hơn, tạo môi trường tập luyện lành mạnh, an toàn và hấp dẫn cho trẻ em. Qua đó, nghiên cứu góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của phong trào Vovinam thiếu nhi tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định vai trò của võ thuật dân tộc trong giáo dục thế hệ trẻ hiện nay.

### **Cơ sở lý thuyết:**

Cơ sở lý thuyết và thực tiễn xây dựng thang đo đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh. Thang đo được hình thành dựa trên Thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior) của Ajzen (1991) [9] và Thuyết tự quyết (Self-Determination Theory) của Deci và Ryan (1985) [11]. Hai lý thuyết này giúp lý giải các rào cản và khó khăn ảnh hưởng đến hành vi tập luyện thể thao, đặc biệt ở nhóm lứa tuổi thiếu nhi.

Theo Ajzen (1991) [9], hành vi tham gia tập luyện thể thao chịu ảnh hưởng bởi thái độ cá nhân, chuẩn mực xã hội, và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi. Khi các yếu tố này bị hạn chế (ví dụ: trẻ thiếu tự tin, gặp rào cản xã hội, hoặc thiếu điều kiện cơ sở vật chất), hành vi tham gia sẽ bị giảm sút. Song song đó, Thuyết tự quyết của Deci và Ryan (1985) [11] chỉ ra rằng con người có

ba nhu cầu tâm lý cơ bản: năng lực, tự chủ và gắn kết xã hội. Khi các nhu cầu này không được đáp ứng, cá nhân dễ mất động lực, lo lắng, hoặc bỏ cuộc trong quá trình tập luyện. Từ đó, các nhóm khó khăn trong thang đo được xác định bao gồm: Khó khăn cá nhân (thiếu tự tin, thể lực yếu, thiếu động lực); Khó khăn trong tập luyện (chương trình, phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, huấn luyện viên); Khó khăn kinh tế (chi phí học, trang phục, thiết bị); Khó khăn xã hội (sự ủng hộ của gia đình, bạn bè, định kiến giới). Cấu trúc này phản ánh mối quan hệ giữa yếu tố cá nhân - môi trường - xã hội, phù hợp với mô hình hệ sinh thái phát triển con người của Bronfenbrenner (1979) [10], cho rằng hành vi của trẻ chịu ảnh hưởng đồng thời từ nhiều tầng hệ thống khác nhau.

### **Cơ sở thực tiễn**

Nhiều nghiên cứu trong nước đã xác định các yếu tố rào cản và khó khăn tương tự trong lĩnh vực thể dục thể thao, là nguồn tham khảo trực tiếp cho việc xây dựng thang đo trong đề tài này. Tổng Nhật Tông (2018) [7] cho rằng học sinh gặp khó khăn trong tập luyện thể thao do thiếu tự tin, sức khỏe yếu, và thiếu thời gian, đồng thời bị ảnh hưởng bởi điều kiện cơ sở vật chất và sự hỗ trợ xã hội. Vũ Tú Bình (2015) [1] nhấn mạnh các yếu tố như thói quen lười vận động, chi phí kinh tế, thời gian học tập, cùng sức khỏe không đảm bảo là nguyên nhân khiến người dân và học sinh hạn chế tham gia hoạt động thể thao. Trần Mạnh Hà (2012) [4] tập trung vào chất lượng cơ sở vật chất, độ thông thoáng, trang thiết bị, và thái độ phục vụ của huấn luyện viên, xem đây là những yếu tố ảnh hưởng mạnh đến sự hài lòng và mức độ tham gia tập luyện. Đoàn Thị Hạnh (2017) [5] nhấn mạnh vai trò của chương trình huấn luyện, trình độ chuyên môn và thái độ của huấn luyện viên trong việc duy trì động lực và hiệu quả học tập thể thao của học viên. Trần Nhật Duy (2014) [3] và Trần Quang Vinh (2016) [8] bổ sung khía cạnh kinh tế và xã hội, chỉ ra rằng chi phí học tập, sự ủng hộ của gia đình và bạn bè, cùng định kiến giới có thể làm giảm khả năng tham gia các hoạt động thể thao của trẻ.

### **PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU**

**Khách thể nghiên cứu:** 120 học viên Vovinam đang tham gia tập luyện tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh có độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi; trong đó độ tuổi từ 12-15 chiếm tỷ lệ với 80 em (66,67%), trong khi nhóm từ 6-11 tuổi có 40 em (33,33%); với 99 nam học viên (82,5%) và 21 nữ học viên (17,5%) và 40 phụ huynh.

**Phạm vi nội dung:** Tập trung khảo sát và phân tích các nhóm khó khăn ảnh hưởng đến quá trình tham gia tập luyện môn Vovinam của trẻ em, bao gồm bốn nhóm chính: khó khăn cá nhân, khó khăn trong tập luyện, khó khăn kinh tế và khó khăn xã hội.

**Phạm vi thời gian:** Thời gian khảo sát vào tháng 03 năm 2024.

**Phạm vi không gian:** Nghiên cứu được tiến hành tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 7: 281 đường Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

**Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp điều tra xã hội học, Phương pháp toán học thống kê. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn các học viên để giúp xác định các tiêu chí đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện vovinam tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát 120 học viên

Vovinam đang tham gia tập luyện tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Thang đo:** Để xác định các tiêu chí đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện vovinam tại nhà thiếu nhi thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, các tiêu chí quan sát được đo lường bằng thang đo Likert từ 1 đến 5. Thang đo Likert sử dụng các lựa chọn, cho phép phân vùng phạm vi cảm nhận, đánh giá, cụ thể như: bảng 1. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để xác định hệ số Cronbach's Alpha và thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA để đánh giá, kiểm định thang đo và độ tin cậy của các tiêu chí quan sát. Cuối cùng, sau khi các tiêu chí rác được loại và thang đo có độ tin cậy cao.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Cơ sở xây dựng thang đo

Tổng hợp các cơ sở trên, việc xây dựng thang đo khó khăn dựa trên Thuyết hành vi có kế hoạch (Ajzen, 1991) [9] và Thuyết tự quyết (Deci & Ryan, 1985) [11], kết hợp tham khảo các nghiên cứu trong nước (Tổng Nhật Tông, 2018 [7]; Vũ Tú Bình, 2015 [1]; Trần Mạnh Hà, 2012 [4]; Đoàn Thị Hạnh, 2017 [5]; Trần Nhật Duy, 2014 [3]; Trần Quang Vinh, 2016) [8]. Thang đo gồm 25 tiêu chí quan sát thuộc 4 nhóm nhân tố: (1) cá nhân; (2) tập luyện; (3) kinh tế; (4) xã hội. Thang đo được thiết kế theo thang Likert 5 mức độ (từ “rất không đồng ý” đến “rất đồng ý”), nhằm đo lường mức độ đồng thuận của trẻ em về từng biểu hiện khó khăn trong quá trình tham gia tập luyện Vovinam. Thang đo đề xuất gồm 25 tiêu chí quan sát, cụ thể các thành phần được trình bày chi tiết trong bảng 1 như sau:

**Bảng 1. Nội dung thang đo tiêu chí đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện vovinam**

Nhóm khó khăn	Mã hoá	Nội dung
Cá nhân	KK1	Điều kiện về sức khỏe và thể trạng của các em không phù hợp để tham gia tập luyện
	KK2	Thiếu tự tin, nhút nhát, cảm giác không thoải mái,...khi tham gia tập luyện
	KK3	Các em thiếu đam mê về môn Vovinam
	KK4	Sợ đau hoặc bị chấn thương
	KK5	Cảm thấy Vovinam nhàm chán
	KK6	Thiếu thời gian tham gia
	KK7	Thói quen lười vận động của bản thân
	KK8	Sức khỏe không đảm bảo để tham gia các môn TDTT
	KK9	Không có thời gian cho việc tham gia tập luyện Vovinam
	KK10	Không tự tin khi tham gia TDTT

Tập luyện	KK11	Không có năng khiếu, kỹ năng tham gia TDTT
	KK12	Diện tích phòng tập, khu vực tập luyện
	KK13	Cơ sở vật chất khu vực tập luyện
	KK14	Độ thông thoáng của phòng tập, khu vực tập luyện
	KK15	Hệ thống âm thanh, ánh sáng
	KK16	Chương trình tập luyện
	KK17	Tác phong và thái độ phục vụ của nhân viên, HLV
	KK18	Trình độ chuyên môn của nhân viên, HLV
	KK19	Nhà vệ sinh
	KK20	Địa điểm, vị trí khu vực tập luyện
Kinh tế	KK21	Chưa lựa chọn được câu lạc bộ phù hợp với kinh tế gia đình.
	KK22	Chi phí tham gia Vovinam tương đối cao so với kinh tế gia đình
	KK23	Chi phí mua các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện Vovinam tương đối cao
Xã hội	KK24	Sự ủng hộ của người thân/bạn bè khi tham gia tập luyện Vovinam
	KK25	Ngại tiếp xúc với nhiều người, ngại giao lưu, làm quen, kết bạn, trong quá trình tập luyện Vovinam

Kết quả phỏng vấn chuyên gia nhà chuyên môn về 25 tiêu chí quan sát theo 04 nhóm nhân tố trên:

**Bảng 2. Kết quả phỏng vấn chuyên gia về thang đo khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam (n = 10 chuyên gia)**

Nhóm nhân tố	Số tiêu chí	Tỷ lệ (%)
Cá nhân	10	89.27%
Tập luyện	10	90.15%
Kinh tế	3	87.33%
Xã hội	2	90.36%
Tổng cộng	25	≥ 85%

Kết quả phỏng vấn chuyên gia cho thấy toàn bộ 25 tiêu chí quan sát thuộc 04 nhóm nhân tố đều đạt tỷ lệ đồng thuận cao ( $\geq 85\%$ ) ở mức *phù hợp trở lên*, phản ánh đầy đủ các khó khăn thực tiễn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam. Do đó, thang đo đáp ứng giá trị nội dung, đủ điều kiện sử dụng trong khảo sát định lượng và phân tích độ tin cậy.

## 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của tiêu chí

### 2.1. Kết quả đánh giá độ tin cậy bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho 4 nhóm với 25 tiêu chí quan sát, các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha  $> 0,6$ . Các tiêu chí quan sát đều có hệ số tương quan với biến tổng  $> 0,3$ ; nên các thang đo và các tiêu chí quan sát đều đạt yêu cầu (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) [6] (Bảng 3).

**Bảng 3. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha các tiêu chí quan sát trong từng nhóm**

Mã hóa	Khó khăn	Tương quan tổng thể	Alpha nếu loại biến
KK1	Điều kiện về sức khỏe và thể trạng của các em không phù hợp để tham gia tập luyện	0.763	0.983
KK2	Thiếu tự tin, nhút nhát, cảm giác không thoải mái,...khi tham gia tập luyện	0.826	0.982
KK3	Các em thiếu đam mê về môn Vovinam	0.712	0.983
KK4	Sợ đau hoặc bị chấn thương	0.847	0.982
KK5	Cảm thấy Vovinam nhàm chán	0.764	0.983
KK6	Thiếu thời gian tham gia	0.87	0.982
KK7	Thói quen lười vận động của bản thân	0.787	0.982
KK8	Sức khỏe không đảm bảo để tham gia các môn TDTT	0.925	0.982
KK9	Không có thời gian cho việc tham gia tập luyện Vovinam	0.79	0.982
KK10	Không tự tin khi tham gia TDTT	0.853	0.982
KK11	Không có năng khiếu, kỹ năng tham gia TDTT	0.92	0.982
KK12	Diện tích phòng tập, khu vực tập luyện	0.792	0.982
KK13	Cơ sở vật chất khu vực tập luyện	0.836	0.982
KK14	Độ thông thoáng của phòng tập, khu vực tập luyện	0.828	0.982
KK15	Hệ thống âm thanh, ánh sáng	0.814	0.982
KK16	Chương trình tập luyện	0.702	0.983
KK17	Tác phong và thái độ phục vụ của nhân viên, HLV	0.75	0.983
KK18	Trình độ chuyên môn của nhân viên, HLV	0.696	0.983
KK19	Nhà vệ sinh	0.832	0.982
KK20	Địa điểm, vị trí khu vực tập luyện	0.872	0.982
KK21	Chưa lựa chọn được câu lạc bộ phù hợp với kinh tế gia đình.	0.748	0.983
KK22	Chi phí tham gia Vovinam tương đối cao so với kinh tế bản thân	0.692	0.983
KK23	Chi phí mua các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện Vovinam tương đối cao	0.811	0.982
KK24	Sự ủng hộ của người thân/bạn bè khi tham gia tập luyện Vovinam	0.79	0.982
KK25	Ngại tiếp xúc với nhiều người, ngại giao lưu, làm quen, kết bạn, trong quá trình tập luyện Vovinam	0.862	0.982

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát)

## 2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả Cronbach's Alpha cho thấy 4 nhóm với 25 tiêu chí quan sát đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam tại nhà thiếu nhi thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đạt yêu cầu về độ tin cậy. Vì vậy, các tiêu chí quan sát trong 4 nhóm này được tiếp tục đánh giá bằng EFA. Kết quả phân tích EFA bao gồm các nội dung chi tiết như sau:

**Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett**

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		,750
Kiểm định Bartlett của thang đo	Giá trị chi bình phương	663.627
	df	300
	Sig.- mức ý nghĩa quan sát	,000

(Nguồn: Xử lý từ dữ liệu khảo sát)

Hệ số KMO = 0.750 (bảng 4), hệ số này đã thỏa mãn điều kiện  $0.5 \leq KMO \leq 1$ . Kết quả này chỉ ra rằng các tiêu chí quan sát trong tổng thể có mối tương quan với nhau và phân tích nhân tố EFA được chấp thuận với dữ liệu nghiên cứu.

**Bảng 5. Bảng Eigenvalues và phương sai trích của các nhóm**

Component	Initial Eigenvalues		
	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3,301	15,869	15,869
2	3,171	15,221	30,930
3	2,968	14,206	44,977
4	2,524	11,984	<b>69,032</b>

Kiểm định Bartlett's (bảng 5) (Sig. = 0.000 < 0.005), phân tích tiêu chí là phù hợp. Giá trị Eigenvalues = 2.524 > 1 và tổng phương sai trích với phương pháp rút trích, phân tích tiêu chí đã trích được 04 nhóm từ 25 tiêu chí quan sát và với phương sai trích là 69.032% > 50% (bảng 4) nên đạt yêu cầu.

**Bảng 6. Ma trận nhân tố**

Mã hóa	Tiêu chí	NHÂN TỐ			
		1	2	3	4
KK1	Điều kiện về sức khỏe và thể trạng của các em không phù hợp để tham gia tập luyện	0.846			
KK2	Thiếu tự tin, nhút nhát, cảm giác không thoải mái,...khi tham gia tập luyện	0.677			
KK3	Các em thiếu đam mê về môn Vovinam	0.908			
KK4	Sợ đau hoặc bị chấn thương	0.702			
KK5	Cảm thấy Vovinam nhàm chán	0.811			
KK6	Thiếu thời gian tham gia	0.682			
KK7	Thói quen lười vận động của bản thân	0.81			

KK8	Sức khỏe không đảm bảo để tham gia các môn TDTT	0.594			
KK9	Không có thời gian cho việc tham gia tập luyện Vovinam	0.704			
KK10	Không tự tin khi tham gia TDTT	0.82			
KK11	Không có năng khiếu, kỹ năng tham gia TDTT		0.645		
KK12	Diện tích phòng tập, khu vực tập luyện		0.73		
KK13	Cơ sở vật chất khu vực tập luyện		0.77		
KK14	Độ thông thoáng của phòng tập, khu vực tập luyện		0.746		
KK15	Hệ thống âm thanh, ánh sáng		0.738		
KK16	Chương trình tập luyện		0.8		
KK17	Tác phong và thái độ phục vụ của nhân viên, HLV		0.861		
KK18	Trình độ chuyên môn của nhân viên, HLV		0.865		
KK19	Nhà vệ sinh		0.698		
KK20	Địa điểm, vị trí khu vực tập luyện		0.737		
KK21	Chưa lựa chọn được câu lạc bộ phù hợp với kinh tế gia đình.			0.687	
KK22	Chi phí tham gia Vovinam tương đối cao so với kinh tế gia đình			0.616	
KK23	Chi phí mua các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện Vovinam tương đối cao			0.703	
KK24	Sự ủng hộ của người thân/bạn bè khi tham gia tập luyện Vovinam				0.742
KK25	Ngại tiếp xúc với nhiều người, ngại giao lưu, làm quen, kết bạn, trong quá trình tập luyện Vovinam				0.562

Kết quả phân tích nhân tố khám phá các tiêu chí đều có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0.5. Các tiêu chí đạt giá trị hệ số nhân tố  $> 0.5$  nên tiếp tục đưa vào phần phân tích nhân tố. Kết quả kiểm định Bartlett và chỉ số KMO cũng chứng tỏ rằng kết quả phân tích nhân tố là phù hợp và các tiêu chí quan sát có tương quan chặt chẽ với nhau. Dựa vào kết quả bảng ma trận xoay các nhân tố ở bảng 2.6 được sử dụng để nhóm các tiêu chí đạt yêu cầu với hệ số tải nhân tố  $> 0.5$ .

Thông qua các bước xác định được 4 nhóm gồm 25 tiêu chí đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam tại nhà thiếu nhi thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

**Nhóm khó khăn cá nhân gồm 10 tiêu chí quan sát:** Điều kiện về sức khỏe và thể trạng của các em không phù hợp để tham gia tập luyện (KK1); Thiếu tự tin, nhút nhát, cảm giác không thoải mái,... khi tham gia tập luyện (KK2); Các em thiếu đam mê về môn Vovinam (KK3); Sợ đau hoặc bị chấn thương (KK4); Cảm thấy Vovinam nhàm chán (KK5); Thiếu thời gian tham gia (KK6); Thói quen lười vận động của bản thân (KK7); Sức khỏe không đảm bảo để tham gia các môn TDTT (KK8); Không có thời gian cho việc tham gia tập luyện Vovinam (KK9). Không tự tin khi tham gia TDTT (KK10)

**Nhóm khó khăn tập luyện gồm 10 tiêu chí quan sát:** Không có năng khiếu, kỹ năng tham gia TDTT (KK11), Diện tích phòng tập, khu vực tập luyện (KK12), Cơ sở vật chất khu vực tập luyện (KK13), Độ thông thoáng của phòng tập, khu vực tập luyện (KK14), Hệ thống âm thanh,

ánh sáng (KK15); Chương trình tập luyện (KK16); Tác phong và thái độ phục vụ của nhân viên, HLV (KK17); Trình độ chuyên môn của nhân viên, HLV (KK18); Nhà vệ sinh (KK19); Địa điểm, vị trí khu vực tập luyện (KK20);

**Nhóm khó khăn kinh tế gồm 3 tiêu chí quan sát:** Chưa lựa chọn được câu lạc bộ phù hợp với kinh tế gia đình. (KK21); Chi phí tham gia Vovinam tương đối cao so với kinh tế gia đình (KK22); Chi phí mua các trang thiết bị, dụng cụ tập luyện Vovinam tương đối cao (KK23)

**Nhóm khó khăn xã hội gồm 3 tiêu chí quan sát:** Sự ủng hộ của người thân/bạn bè khi tham gia tập luyện Vovinam (KK24); Ngại tiếp xúc với nhiều người, ngại giao lưu, làm quen, kết bạn, trong quá trình tập luyện Vovinam (KK25).

Nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định thang đo đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam dựa trên sự kết hợp giữa Thuyết hành vi có kế hoạch và Thuyết tự quyết. Thang đo gồm 04 nhóm nhân tố với 25 tiêu chí quan sát, được kiểm định độ tin cậy và giá trị bằng Cronbach's Alpha và EFA. Kết quả cung cấp công cụ đo lường có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và duy trì phong trào Vovinam thiếu nhi.

### KẾT LUẬN

Qua các bước nghiên cứu, đã xác định được các tiêu chí đánh giá khó khăn của trẻ em khi tham gia tập luyện Vovinam tại Trung tâm cung ứng dịch vụ văn hóa thể thao phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Nhóm khó khăn cá nhân gồm 10 tiêu chí; Nhóm khó khăn tập luyện gồm 10 tiêu chí; Nhóm khó khăn kinh tế gồm 3 tiêu chí; Nhóm khó khăn xã hội gồm 2 tiêu chí.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vũ Tú Bình (2015), *Động cơ và rào cản trong tập luyện TDTT của thanh thiếu niên Việt Nam*, Tạp chí KH TDTT.
- [2]. Nguyễn Văn Chiêu (2016), *Vovinam - Triết lý và phương pháp huấn luyện*, NXB TDTT.
- [3]. Trần Nhật Duy (2014), *Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế gia đình đến việc tham gia TDTT tự nguyện của học sinh THCS*, Tạp chí KH TDTT.
- [4]. Trần Mạnh Hà (2012), *Nghiên cứu cơ sở vật chất trong giáo dục thể chất học đường*, Tạp chí Khoa học TDTT.
- [5]. Đoàn Thị Hạnh (2017), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên tại các trung tâm TDTT*, NXB TDTT.
- [6]. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.
- [7]. Tống Nhật Tông (2018), *Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia TDTT của học sinh phổ thông*, NXB TDTT.
- [8]. Trần Quang Vinh (2016), *Yếu tố xã hội và sự tham gia thể thao học đường*, Tạp chí TDTT Việt Nam.
- [9]. Ajzen, I. (1991), *The theory of planned behavior; Organizational Behavior and Human Decision Processes*.
- [10]. Bronfenbrenner, U. (1979). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*, Harvard University Press.
- [11]. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985), *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*, Springer.

*Bài nộp ngày 20/5/2025, phản biện ngày 09/12/2025, duyệt in ngày 25/12/2025*